UBND TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 200337

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: Ngôn ngữ học đối chiếu

Tên Tiếng Anh: Contrastive linguistics

Đơn vị phụ trách: Sư phạm Ngữ văn & Ngôn ngữ Khmer

Khoa: Ngôn ngữ – Văn hóa – Nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết; 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 10 buổi (4 tiết/buổi) + 01 buổi (5 tiết/buổi)

Học kỳ: VI (học kỳ II năm thứ 3)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- GV phụ trách chính: TS. Nguyễn Thị Huệ *(SĐT: 0908228281; Email:huetvu@tvu.edu.vn)*
- GV cùng giảng dạy: TS. Lê Thị Thanh Tâm *(SĐT:0919 979662; Email:ltttam@yahoo.com)*

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Môn học tiên quyết: *Ngữ âm học tiếng Khmer, Từ vựng học tiếng Khmer*

Học phần thuộc khối kiến thức *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☑					
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Cơ sở ngành ☑		Chuyên ngành ☐		Tố nghiệp ☐	
		Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☑

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thử: 01
- Ngày hiệu chỉnh: 16/7/2020
- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2017)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theoQui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu: khái niệm, quá trình phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu, những ứng dụng về mặt lí thuyết và thực tiễn; các nguyên tắc, phương pháp đối chiếu các ngôn ngữ và các bình diện nghiên cứu đối chiếu;

**** Mục tiêu:*** Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: (i) các bình diện nghiên cứu, phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu (ii) các nguyên tắc và các phương pháp nghiên cứu đối chiếu. Từ đó, sinh viên áp dụng vào việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ, dạy ngôn ngữ.

IV. Kết quả học tập mong đợi:

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo (CTĐT) theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho Chuẩn đầu ra (CĐR - ELOs) của CTĐT).*

- *Mức L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)*
- *Mức M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích);*
- *Mức H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo);*

Mã HP	**Tên HP**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**											
		ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
200337	NNHĐC	L	M		M	H	M	L	L	M		M	M

Ký hiệu	**Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) của học phần** Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO1	Trình bày khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của ngôn ngữ học đối chiếu;	ELO: 1, 2, 6
CELO2	Xác định cơ sở, các bình diện nghiên cứu, phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu;	ELO: 4, 6, 7
CELO3	Áp dụng các nguyên tắc và các phương pháp vào việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ;	ELO: 1, 5, 8
Kĩ năng		
CELO4	Đối chiếu các bình diện giữa các ngôn ngữ được nghiên cứu;	ELO: 5, 6, 8
CELO5	Vận dụng các nguyên tắc và các phương pháp nghiên cứu	ELO: 7, 8, 9

	ngôn ngữ học đối chiếu vào việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ cụ thể;	
Thái độ		
CELO6	Thể hiện thái độ khách quan, khoa học trước các vấn đề về Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; tiếp thu phê phán, cầu tiến trong học tập cũng như nghiên cứu.	ELO: 11, 12
CELO7	Hình thành thói quen chủ động giải quyết vấn đề và học tập suốt đời.	ELO: 11, 12

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

5.1. Phương pháp giảng dạy

- Diễn giảng kết hợp phát vấn, trình chiếu Powerpoint;
- Thảo luận nhóm: thảo luận các vấn đề về các ứng dụng của NNH đối chiếu;
- Tạo khóa học, xây dựng học liệu và tương tác với sinh viên trên khóa học Elearning;
- Thuyết trình: phân nhóm và giao nội dung thuyết trình cho các nhóm về các bình diện đối chiếu của ngôn ngữ;
- Thực hành: đối chiếu các bình diện của các ngôn ngữ.

5.2. Phương pháp học tập

- Tham gia tương tác, thực hiện các hoạt động theo yêu cầu của giảng viên giảng dạy;
- Có kĩ năng tin học cơ bản để thực hiện các bài thuyết trình, tương tác, hoàn thành các bài tập trên khóa học E-learng;
- Tự học, tự nghiên cứu;
- Làm việc độc lập, làm việc nhóm.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự ít nhất 80% giờ của học phần;
- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu để tương tác và tham gia đạt hiệu quả các hoạt động trên lớp;
- Tham gia đóng góp tích cực cùng nhóm hoàn thành các bài thuyết trình, bài tập trên khóa học Elearning;
- Tham gia trao đổi ý kiến về các chủ đề trên diễn đàn của khóa học Elearning.

VII. Đánh giá và cho điểm

7.1. Thang điểm: 10

7.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

- Đánh giá quá trình (chiếm 50%) gồm:

+ Đánh giá tham dự lớp (chiếm 10%)

+ Thảo luận nhóm (chiếm 20%)

+ 02 bài tập trên khóa học E – Learning (20).

- Đánh giá học phần: Tiểu luận (chiếm 50%)

VIII. Nội dung học phần và hình thức đánh giá

8.1. Nội dung học phần:

- Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80 % thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học có kiến thức tổng quan về: các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu và ứng dụng của NNHĐC, các bình diện đối chiếu ngôn ngữ.

- Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng thuyết trình, xây dựng chiến lược giao tiếp; đọc hiểu tài liệu quan quan đến học phần.

8.2. Hình thức đánh giá:

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Chương 1: Những nét tổng quát về ngôn ngữ học đối chiếu	CELO1		
Chương 2: Phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu	CELO2,6,7	Thảo luận nhóm	Xác định các phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu;
Chương 3: Cơ sở của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	CLO2,6,7	Thảo luận nhóm	Phân tích các cơ sở của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ;
Chương 4: Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	CELO3,5,6, 7	Câu hỏi ngắn	Áp dụng các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ;
Chương 5: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu	CLO2,4,6,7	Bài tập	Đối chiếu các ngôn ngữ theo các bình diện: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần *(Đánh dấu ✓ vào ô được chọn)*

Các KQHTMĐ của HP	Tham dự lớp (10%)	Bài tập (20%)	Thảo luận nhóm (20%)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X			X

CELO2	X	X	X	X
CELO3	X			X
CELO4	X	X		X
CELO5	X			X
CELO6	x	X	X	X
CELO7	x	X	X	

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (4 tuần)

Buổi	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của HP (CELO)
1,2,3,4	**Chương 1:** Những nét tổng quát về ngôn ngữ học đối chiếu	CELO 1
	1.1 Bối cảnh ra đời của NNHĐC	
	1.2 Mục đích, nhiệm vụ của NNHĐC	
	1.3 Quá trình phát triển của NNHĐC	
	Chương 2: Phạm vi ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu **Bài 1**: Những ứng dụng về phương diện lí thuyết	CELO2,6,7
	1.1. NNHĐC và NNH đại cương	
	1.2. NNHĐC và loại hình học	
	1.3. NNHĐC và việc miêu tả ngôn ngữ	
	1.4 NNHĐC và những lĩnh vực nghiên cứu lí thuyết khác	
	Bài 2: Những ứng dụng về phương diện thực tiễn	CELO2,6,7
	2.1. NNHĐC và lĩnh vực dạy học ngoại ngữ	
	2.2. NHĐC và những lĩnh vực ứng dụng khác	
	2.3 NNHĐC lí thuyết và NNHĐC ứng dụng	
5,6	**Chương 3**: Cơ sở của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	CLO2,6,7
	3.1. So sánh và các kiểu so sánh	
	3.2. Khái niệm tertium comparationis	
	3.3. Các kiểu tertium comparationis	

7,8	**Chương IV:** Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	CELO3,5,6,7
	4.1. Các nguyên tắc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	
	4.2. Các phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	
9,10,11	**Chương V:** Các bình diện nghiên cứu đối chiếu	CLO2,4,6,7
	5.1. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ âm	
	5.2. Nghiên cứu đối chiếu về từ vựng	
	5.3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp	
	5.4. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng và các bình diện khác	

X. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Cao Xuân Hạo (1998), Tiếng Việt – mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa , TP. Hồ Chí Minh: Giáo dục

2. Bùi Mạnh Hùng (2008), Ngôn ngữ học đối chiếu, NXB GD

3. Bùi Mạnh Hùng (1998), "Bàn về hô ngữ (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Bungaria)", Tạp chí ngôn ngữ

4. Bùi Mạnh Hùng (1999), "Những hình thức thể hiện hành động cảnh báo trong tiếng Việt", Tạp chí ngôn ngữ

5. Bùi Mạnh Hùng (2000), "Vấn đề quán từ và nhận diện quán từ trong tiếng Việt"(trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Bungaria), Tạp chí ngôn ngữ

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA	**TRƯỞNG BỘ MÔN**	**GV BIÊN SOẠN**
(Kí và ghi rõ họ tên)	*(Kí và ghi rõ họ tên)*	*(Kí và ghi rõ họ tên)*
		Nguyễn Thị Thoa

KHOA NGÔN NGỮ-VĂN HÓA-NGHỆ THUẬT KHMER NAM BỘ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

LỚP:

MÃ LỚP:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá): .....
2. Chức danh, học vị: .....
3. Đơn vị công tác: .....
4. Họ và tên sinh viên thực hiện: .....
5. Môn học: .....
6. Địa điểm thực hiện:.....
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: đánh giá CHUYÊN CẦN (tham dự lớp)

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Thái độ tham dự	10	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	10	mỗi buổi học là 1% và không được vắng trên 2 buổi			

Rubric 2: đánh giá THẢO LUẬN NHÓM

Tiêu chí	**Trọng số (%)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Thái độ tham gia	30	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng	30	Phân tích,	Phân tích, đánh	Phân tích,	Phân tích,

thảo luận		đánh giá tốt	giá khá tốt	đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Cách sử dụng:

- GV có thể sử dụng Rubric này để đánh giá SV khi đến tham dự một nhóm thảo luận hoặc để SV đánh giá lẫn nhau khi họ thảo luận nhóm.
- Trước khi sử dụng, GV phải giải thích trước cho SV

Rubric 3: đánh giá BÀI TẬP TRÊN E-LEARNING

Bài tập 1:

Tiêu chí	**Điểm số**	**Mức chất lượng**			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	10	Áp dụng đối chiếu hệ thống ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp 100 %	Áp dụng đối chiếu hệ thống ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp 75%	Áp dụng đối chiếu hệ thống ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp 50%	Áp dụng đối chiếu hệ thống ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp ít hơn 50%
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm			

Bài tập 2:

Tiêu chí	Điểm số	Mức chất lượng			
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Kém**
	10	*100%*	*75%*	*50%*	*0%*
Nội dung	10	Áp dụng đối chiếu bình diện từ vựng giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp 100 %	Áp dụng đối chiếu bình diện từ vựng giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp 75%	Áp dụng đối chiếu bình diện từ vựng giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp 50%	Áp dụng đối chiếu bình diện từ vựng giữa tiếng Việt và tiếng Khmer: đúng phương pháp, nguyên tắc, kết quả đối chiếu phù hợp ít hơn 50%
Ý mới	1	Cộng tối đa 1 điểm cho những bài có nội dung trả lời mang tính mới so với đáp án nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác. Điểm tổng bài thi không quá 10 điểm			

Rubric 4: đánh giá TIỂU LUẬN

PHIẾU CHẤM TIỂU LUẬN HẾT MÔN

Họ và tên SV:……
Lớp: Đại học Ngôn ngữ Khmer, khóa ….(DA…NNK)

	Yêu cầu	Thang điểm	Điểm chấm
Nội dung	- Bám sát chủ đề (1) - Chứng minh được vấn đề đưa ra (2) - Đảm bảo độ chính xác khi so sánh hai ngôn ngữ Khmer – Việt và khi chuyển ngữ (2)	5.0	
Hình thức	- Đảm bảo cấu trúc của một bài tiểu luận. (1) - Ít lỗi chính tả, đánh máy (1)	2.0	
Báo cáo	- Đảm bảo về mặt thời gian (1)	3.0	

	- Ngôn ngữ lưu loát, chính xác (1) - Trả lời đúng các câu hỏi (1)		
Tổng điểm:		**10.0**	

Tổng điểm chấm:

- Bằng số:……
- Bằng chữ:…….

Trà Vinh, ngày … tháng … năm 20....

CÁN BỘ CHẤM LẦN 1

- Rubric đánh giá nội dung bài tiểu luận

	Tiêu chí	**Mô tả mức độ đạt**			
		0-0.25	0.25-0.5	0.5-0.75	0.75-1.0
Nội dung (5.0 điểm)	(1) Bám sát chủ đề (1.0 điểm)	- Có bài tiểu luận - Nội dung không đúng chủ đề/ nội dung copy từ các nguồn khác hơn 70%	- Ít nhất có 50% nội dung mang tính mới. - Ít nhất có 50% nội dung bám sát chủ đề	- Ít nhất có 75% nội dung mang tính mới. - Ít nhất có 75% nội dung bám sát chủ đề	- Toàn bộ nội dung mang tính mới, dẫn nguồn chú thích rõ ràng. - Tất cả nội dung bám sát chủ đề
	(2) Chứng minh được vấn đề đưa ra (2.0 điểm)	0-0.5	0.5-1.0	1.0-1.5	1.5-2.0
		- Chỉ nêu vấn đề, không chứng minh - Có chứng minh nhưng không rõ ràng/ không liên quan.	- Phân tích, chứng minh 25- 50% các vấn đề đã nêu	- Phân tích, chứng minh 50-75% các vấn đề đã nêu	Phân tích, chứng minh thuyết rõ ràng các vấn đề đã nêu.
Hình thức (2.0 điểm)		0-0.25	0.25-0.5	0.5-0.75	0.75-1.0
	- Cấu trúc tiểu luận. (1.0 điểm)	- Không đúng cấu trúc	- Đúng cấu trúc 1 phần (25-50%)	- Đúng cấu trúc 1 phần (50-75%)	- Đúng cấu trúc hoàn toàn
	- Kĩ thuật máy tính,	- Quá nhiều lỗi chính tả/ đánh	- Khá nhiều lỗi chính tả/	- Có lỗi nhưng	- Đảm bảo kĩ thật trình bày,

	chính tả (1.0 điểm)	máy (bình quân hơn 7 lỗi/ trang)	đánh máy (bình quân hơn 5 lỗi/ trang)	không nhiều (bình quân ít hơn 3 lỗi/ trang)	không mắc lỗi chính tả, đánh máy
Báo cáo (2.0 điểm)		0-0.25	0.25-0.5	0.5-0.75	0.75-1.0
	- Thời gian (1.0 điểm)	- Vượt quá thời gian tối đa >= 10 phút - Chưa sử dụng hết 50% thời gian tối thiểu	- Vượt quá thời gian tối đa >= 7 phút - Chưa sử dụng hết 75% thời gian tối thiểu	- Vượt quá thời gian tối đa >= 5 phút	Đúng thời gian
	- Trình bày báo cáo (1.0 điểm)	- Diễn đạt không lưu loát, rõ ràng - Thường xuyên để thời gian chết - Không trình bày được nội dung	- Trình bày được các nội dung nhưng còn sơ lược thiếu sự lí giải để làm rõ vấn đề. - Còn ngập ngừng, không có kết nối giữa các phần - Thỉnh thoảng để thời gian chết	- Trình bày đầy đủ nội dung, có phân tích minh họa làm rõ khoảng 75% nội dung vấn đề - Đôi khi ngập ngừng nhưng có sự kết nối giữa các phần. - Ngữ điệu có thay đổi nhưng chưa đủ	- Trình bày đầy đủ nội dung, có phân tích minh họa để làm rõ vấn đề. - Lưu loát, mạch lạc, có kết nối giữa các phần - Ngữ điệu tốt, thu hút người nghe.

				thu hút.	
	- Trả lời câu hỏi (1.0 điểm)	- Không trả lời đúng câu hỏi nào	- Trả lời đúng ít nhất 50% số câu hỏi	- Trả lời đúng ít nhất 75% số câu hỏi	- Trả lời đúng 100% số câu hỏi

Lưu ý:

- Tính điểm thấp trong trường hợp tỉ lệ đạt thấp hơn mức chuẩn mô tả nhưng tiệm cận - Tính điểm cao trong tỉ lệ đạt cao hơn mức chuẩn mô tả nhưng chưa đạt mức kế tiếp.